

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH THÁI NGUYÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-CNN&XD

Thái Nguyên, ngày tháng năm 2026

V/v chấp thuận cho Công ty cổ phần
Phát triển nông nghiệp công nghệ cao
Phú Thái thỏa thuận về nhận quyền
sử dụng đất để thực hiện dự án
chăn nuôi lợn công nghệ cao tại xã
Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên

Kính gửi:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- UBND xã Yên Trạch;
- Công ty cổ phần Phát triển nông nghiệp
công nghệ cao Phú Thái.

Căn cứ quy định tại Điều 127 Luật Đất đai năm 2024; Nghị định số 49/2026/NĐ-CP ngày 31/01/2026 của Chính phủ; Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên ban hành quy định trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên; Quyết định số 2722/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 huyện Phú Lương (trước sắp xếp); Quyết định số 2133/QĐ-UBND ngày 06/9/2024 của UBND huyện Phú Lương (trước sắp xếp) phê duyệt đồ án điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng xã Yên Ninh, huyện Phú Lương đến năm 2035.

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Văn bản số 10601/SNNMT-QLĐĐ ngày 25/8/2026 về việc đề nghị chấp thuận cho Công ty cổ phần Phát triển nông nghiệp công nghệ cao Phú Thái thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất để thực hiện dự án chăn nuôi lợn công nghệ cao tại xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên, UBND tỉnh có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận cho Công ty cổ phần Phát triển nông nghiệp công nghệ cao Phú Thái (*Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp: 4601581902 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư (nay là Sở Tài chính) tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký lần đầu ngày 21/9/2021, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 20/7/2023; địa chỉ trụ sở chính: phường Tích Lương, tỉnh Thái Nguyên*) thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 161.529,9 m² tại xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên để thực hiện Dự án chăn nuôi lợn công nghệ cao.

Vị trí, ranh giới khu đất được xác định theo Bản đồ địa chính (trích lục) thuộc các tờ bản đồ địa chính số 136, 137 xã Yên Trạch, tỉnh Thái Nguyên do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai khu vực VII lập ngày 19/8/2026.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Thời hạn phải hoàn thành việc thỏa thuận: Đến ngày 30/11/2026.

2. Công ty cổ phần Phát triển nông nghiệp công nghệ cao Phú Thái có trách nhiệm:

- Thực hiện việc thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất theo đúng phạm vi, diện tích, vị trí được chấp thuận; bảo đảm nguyên tắc tự nguyện, công khai, minh bạch, không làm phát sinh tranh chấp, khiếu kiện.

- Thực hiện đầy đủ thủ tục đăng ký biến động đất đai, chuyển mục đích sử dụng đất, thuê đất theo quy định của pháp luật.

3. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan, UBND xã Yên Trạch hướng dẫn, kiểm tra, giám sát Công ty cổ phần Phát triển nông nghiệp công nghệ cao Phú Thái thực hiện các thủ tục và triển khai thực hiện theo đúng quy định.

Sở Nông nghiệp và Môi trường chịu trách nhiệm trước pháp luật và UBND tỉnh về tính chính xác của hồ sơ, tài liệu và nội dung tham mưu.

4. Giao UBND xã Yên Trạch phối hợp với Công ty cổ phần Phát triển nông nghiệp công nghệ cao Phú Thái và các cơ quan, đơn vị liên quan trong quá trình hoàn thiện hồ sơ, thủ tục theo quy định.

Yêu cầu các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan và Công ty cổ phần Phát triển nông nghiệp công nghệ cao Phú Thái tổ chức thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: HS, VT, CNNXD, MC.

MinhHồng/CV/26.8.2026.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Loan

PHỤ LỤC CHI TIẾT

(Kèm theo Văn bản số /UBND-CNN&XD ngày / /2026
của UBND tỉnh Thái Nguyên)

STT	Tờ bản đồ số	Thửa đất số	Diện tích thửa đất được chấp thuận thỏa thuận về nhận quyền sử dụng đất (m ²)	Mục đích sử dụng đất
1	136	68	8.601,0	RSX
2	25 (136)	105	402,0	LUK
3	25	106	20.043,0	RSX
4	136	107	6.972,2	RSX
5	25 (136)	108	323,0	LUK
6	25 (136)	109	307,0	LUK
7	25 (136)	110	205,0	LUK
8	137	111	1.012,0	NTS
9	25 (136)	129	710,0	LUK
10	25 (136)	130	237,0	LUK
11	25 (136)	131	133,0	LUK
12	25 (136)	132	209,0	LUK
13	136	133	968,0	NTS
14	25 (136)	134	492,0	LUK
15	137	147	3.384,0	RSX
16	25 (136)	148	6.448,0	RSX
17	25 (136)	149	812,0	LUK
18	136	156	11.380,0	RSX
19	137	158	17.837,0	RSX
20	136	159	575,0	LUK
21	136	160	116,0	LUK
22	136	161	228,0	LUK
23	136	163	86,0	LUK

24	25 (136)	164	291,0	LUK
25	25 (136)	165	301,0	LUK
26	25 (136)	166	3.444,0	CLN
27	25 (136)	173	20.037,3	RSX
28	136	175	99,0	LUK
29	136	176	145,0	LUK
30	25 (136)	180	193,0	LUK
31	25 (136)	181	79,0	LUK
32	25 (136)	184	103,0	LUK
33	25 (136)	185	148,0	LUK
34	136	186	1.426,0	NTS
35	25 (136)	187	75,0	LUK
36	136	192	10.069,0	RSX
37	136	199	1.117,0	NTS
38	136	200	7.342,7	RSX
39	137	214	7.479,3	RSX
40	137	250	3.713,0	RSX
41	25 (136)	443	1.692,7	RSX
42	25 (136)	445	17.964,0	RSX
43	25 (136)	446	328,4	RSX
44	26	66	4.002,3	RSX
Tổng diện tích			161.529,9	